

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-PT
Ngày: 13 - 12 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tử Lượng

Bà Phạm Thị Tuyết

- Thư Ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên Tòa án nhân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình : Bà Đinh Thị Nga, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố NB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2019 /QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐPT- KDTM ngày 18/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐPT- KDTM ngày 25/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty trách nhiệm hữu hạn DG, địa chỉ: Xã GT, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Thu H, cán bộ phòng Kinh doanh của chi nhánh Công ty DG – Nhà máy Kính nổi TA.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trung

K, luật sư Văn phòng L1 Ninh Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Xã XT, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gương Kính PH.

Địa chỉ: Số 290, đường THĐ, phố KB, phường NK, Thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Phạm Thị Thanh T, Kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gương kính PH.

Bà Lê Thị Thu T1, Kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gương kính PH.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Anh T2 và ông Nguyễn Xuân B luật sư, Văn phòng luật sư KH thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt: Bà H, ông K, ông H1, bà T, bà T1, ông T2, ông B. Vắng mặt ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2016, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn DG trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn DG (sau đây viết tắt là Công ty DG) và Doanh nghiệp tư nhân PH. Hiện nay đã thay đổi đăng Ký Kinh doanh với tên mới là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gương Kính PH (sau đây viết tắt là Công ty PH) có quan hệ mua bán hàng hóa là kính nổi đã nhiều năm.

Ngày 01/01/2016, Công ty DG và Công ty PH có kí kết hợp đồng mua bán số 01/HD-MB về việc tiêu thụ sản phẩm kính nổi TA. Trong hợp đồng nguyên tắc có quy định bên mua đặt hàng phải trả tiền trước, bên bán mới xuất hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng để tạo điều kiện cho một số khách hàng tiêu thụ nhiều sản phẩm và có uy tín. Công ty DG vẫn bán nợ kính cho Công ty PH. Ngày 12/02/2016, hai bên lập biên bản xác nhận công nợ với nội dung: Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/02/2016 Công ty PH còn nợ Công ty DG số tiền là 10.060.300.233 đồng. Sau đối chiếu công nợ, Công ty DG vẫn tiếp tục bán kính cho Công ty PH. Tính đến tháng 4 năm 2016 Công ty PH còn nợ Công ty DG số tiền

hàng là 15.422.548.066 đồng. Nay Công ty DG đề nghị Tòa án buộc Công ty PH phải trả số tiền còn nợ là 15.422.548.066 đồng và lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc phía Công ty PH phải trả cho Công ty DG số tiền còn nợ là 15.124.197.613 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất là 0,85%/tháng tính từ ngày 01/4/2016 đến ngày xét xử 09/8/2019 là 3.626.326.789 đồng.

Tại đơn phản tố đề ngày 09/8/2017, bản tự Khai, các phiên hòa giải người đại diện theo ủy quyền của Công ty PH trình bày:

Công ty PH thừa nhận giữa hai công ty có ký kết các hợp đồng nguyên tắc với nhau trong việc mua kính nổi của nhà máy kính TA. Trong hợp đồng nguyên tắc có quy định bên mua đặt hàng và phải trả tiền trước, bên bán mới xuất hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Công ty DG yêu cầu Công ty PH phải chuyển tiền trước mới xuất hàng. Quá trình mua bán, Công ty PH đã nộp tiền mặt và chuyển khoản cho công ty DG nhiều hơn số tiền hàng là 21.410.303.638 đồng. Quan điểm của công ty PH đề nghị Tòa án buộc Công ty DG phải trả lại cho Công ty PH số tiền 21.410.303.638 đồng là số tiền Công ty PH đã chuyển nhiều hơn số tiền hàng phải thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty PH thay đổi yêu cầu phản tố đối với số tiền 21.410.306.638 đồng, Công ty PH yêu cầu Công ty DG phải thanh toán số tiền là 15.112.372.387 đồng và tiền kính vỡ, chiết khấu là 906.196.397 đồng. Tổng số tiền Công ty DG phải thanh toán cho Công ty PH là 16.018.568.784 đồng.

Tại bản án số 01/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố NB đã quyết định: Căn cứ các Điều: 30, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại; Án lệ số 09/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6, Khoản 2, Khoản 5, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty DG đối với Công ty PH.

1. Buộc Công ty PH trả cho Công ty DG số tiền là 18.750.524.402 đồng. Trong đó nợ tiền hàng là 15.124.197.613 đồng, tiền lãi chậm trả là 3.626.326.789 đồng.

Kể từ ngày 10/8/2019 Công ty PH còn phải trả lãi suất chậm thanh toán cho Công ty DG với mức lãi suất 0,85%/tháng cho khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty PH đối với Công ty DG là

15.112.372.387 đồng.

3. Về án phí:

Buộc Công ty PH phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.750.000 đồng.

Công ty PH phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là: 123.112.000 đồng.

Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty PH đã nộp là 64.705.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng*). Theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0000622 ngày 18/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố NB. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty DG là 61.900.000 đồng (*Sáu mươi một triệu chín trăm nghìn đồng*). Theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000185 ngày 17/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NB.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/8/2019, Công ty PH là bị đơn trong vụ án kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố NB đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố NB để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty DG vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn Công ty PH phải trả cho Công ty DG số tiền còn nợ là 15.124.197.613 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất là 0,85%/tháng. Thời gian tính từ ngày 01/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2019 với số tiền là 3.626.326.789 đồng.

Công ty PH vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nhận định các tình tiết của vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308; Khoản 1 điều 148 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH gương kính PH; Sửa bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 15/7/2019 của TAND thành phố NB, tỉnh Ninh Bình, theo

hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH DG về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”: Buộc Công ty TNHH gương kính PH phải thanh toán tổng số tiền nợ là 14.173.690.650 đồng đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất là 0,85%/tháng, tính từ ngày 01/4/2016 đến ngày xét xử 09/8/2019 là 3.626.326.789 đồng. Công ty TNHH gương Kính PH còn phải tiếp tục trả lãi chậm thanh toán từ ngày 10/8/2019 đến Khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất 0,85%/tháng.

Về án phí KDTMST phúc thẩm: Công ty TNHH gương kính PH phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của Công ty PH nộp trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Quan hệ pháp luật được giải quyết trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán kính giữa hai chủ thể được quy định trong Luật Doanh nghiệp. Hợp đồng mua bán kính được xác lập bởi người đại diện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Bị đơn cho rằng, vào thời điểm khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Phạm Thị P là vợ của chủ doanh nghiệp tư nhân PH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo quy định tại Điều 185 Luật Doanh nghiệp chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Bản án sơ thẩm đã xác định người đại diện của bị đơn Công ty PH theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị này của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3]. Các đương sự đều thừa nhận: Công ty DG và Doanh nghiệp tư nhân PH có quan hệ mua bán hàng hóa là kính dân dụng đã nhiều năm. Ngày 01/01/2016, Công ty DG và Doanh nghiệp tư nhân PH có ký kết hợp đồng mua bán số 01/HD-MB về việc tiêu thụ sản phẩm kính nổi TA. Việc ký kết hợp đồng mua bán số 01/HD-MB năm 2016 về việc tiêu thụ sản phẩm Kính nổi TA là theo thỏa thuận mua bán kính giữa hai công ty từ những năm trước. Mỗi năm Công ty DG và Doanh nghiệp tư nhân PH đều ký lại hợp đồng nguyên tắc với nhau và hợp đồng có hiệu lực trong vòng một năm.

[4] Ngày 12/02/2016, hai bên lập biên bản xác nhận công nợ với nội dung: Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/02/2016 Công ty PH còn nợ Công ty DG số tiền là 10.060.300.233 đồng. Sau đối chiếu công nợ, Công ty DG vẫn tiếp tục bán kính cho Công ty PH. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty DG và Công ty PH đã tiến hành đối chiếu công nợ đã xác định tổng số tiền tháng 2 và tháng 3 năm 2016 Công ty DG đã bán cho Công ty PH là 24.224.019.932 đồng. Số tiền mà Công ty PH đã thanh toán cho Công ty DG là 20.110.630.000 đồng. Số tiền Công ty PH còn phải thanh toán cho Công ty DG trong tháng 2 và tháng 3 năm 2016 là 4.113.389.932 đồng. Như vậy, tính đến tháng 4 năm 2016 Công ty PH còn nợ Công ty DG số tiền là 14.173.690.650 đồng.

Việc bị đơn kháng cáo cho rằng biên bản xác nhận công nợ ngày 12/2/2016 là không có thật, không chấp nhận biên bản này. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1, Giám đốc Công ty PH xác nhận chữ ký trong văn bản này là của ông H1, được ông H1 ký tại nhà riêng sau khi được bà T kế toán của Công ty PH ký nháy vào phía bên Công ty PH. Bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là bị lừa dối, bị ép buộc trái ý muốn nên cần xác định đây là sự Kiện có thật được các bên thừa nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu Khởi Kiện của Công ty DG đối với Công ty PH là có căn cứ. Tuy nhiên, việc tính toán số liệu tại bản án sơ thẩm là chưa chính xác nên cần sửa án sơ thẩm về số tiền hàng mà Công ty PH còn nợ Công ty DG đến tháng 4/2016 là 14.173.690.650 đồng cho phù hợp với sự thừa nhận của các bên.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Công ty DG phải thanh toán số tiền 15.112.372.387 đồng do chuyển thừa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chiếu tiền hàng bên Công ty PH phải thanh toán cho Công ty DG từ ngày 01/01/2015 đến hết tháng 3 năm 2016 là 183.967.877.613 đồng. Tiền mặt Công ty PH chuyển trả cho Công ty DG từ ngày 01/01/2015 đến hết tháng 3 năm 2016 là 97.132.180.000 đồng. Số tiền Công ty PH chuyển Khoản cho Công ty DG từ 01/01/2015 đến tháng 4 năm 2016 là 101.948.070.000 đồng.

Công ty DG cho rằng trong số tiền 101.948.070.000 đồng chuyển Khoản từ Công ty PH sang Công ty DG có số tiền là 30.236.570.000 đồng là của Công ty DG nộp vào tài khoản của Công ty PH. Số tiền này đều do nhân viên của Công ty DG nộp. Lý do Công ty DG phải nộp tiền của Công ty DG vào tài khoản của Công ty PH để Công ty PH chuyển lại cho Công ty DG là vì nhiều lần Công ty PH mua hàng bằng tiền mặt nên theo quy định của pháp luật về kế toán thì số tiền khách hàng mua trên 20.000.000 đồng phải chuyển khoản.

Công ty PH cho rằng số tiền 30.236.570.000 đồng là của Công ty PH. Khi

đi làm thủ tục nộp tiền vào tài khoản của Công ty PH, đã nhờ nhân viên của Công ty DG làm thủ tục nộp tiền hộ vào tài khoản của Công ty PH.

Tại công văn số 1536 ngày 28/5/2019 và phụ lục số 01 Kèm theo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Ninh Bình thì số tiền 30.236.570.000 đồng là do 5 người nộp gồm: Lê Thị N, Phạm Thị T3, Phạm Thị Thanh H2, Bùi Thị Khánh H3, Nguyễn Thị H4 nộp (năm người có tên trên thừa nhận là người của Công ty DG) được giao nhiệm vụ mang tiền của Công ty DG nộp vào tài khoản của Công ty PH. Nội dung thể hiện không có món nào nộp hộ cho Công ty PH.

Công ty PH không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 30.236.570.000 đồng là của Công ty PH nhờ nhân viên của Công ty DG làm thủ tục nộp tiền hộ vào tài khoản của Công ty PH. Mặt khác, số tiền này đều được giao dịch trước ngày lập biên bản xác nhận nợ 12/2/2016. Do đó yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở.

[6] Đối với yêu cầu phản tố công ty TNHH gương kính PH tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu Công ty DG phải trả tiền kính vỡ, chiết khấu là 906.196.397 đồng.

Tại các biên bản kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không thể hiện nội dung này. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn cũng thừa nhận là đề nghị sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã kiểm tra giao nộp chứng cứ. Bản án sơ thẩm nhận định Công ty PH có quyền khởi kiện Công ty DG số tiền này trong một vụ kiện khác là đúng quy định tại Điều 200 và Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nội dung kháng cáo của bị đơn về vấn đề này không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về yêu cầu của Công ty DG buộc Công ty PH phải trả lãi trên số dự nợ tiền hàng. Thời gian tính từ ngày 01/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2019 là 3.626.326.789 đồng

Tuy hợp đồng giữa hai công ty không thỏa thuận lãi suất chậm trả nhưng thực tế đã phát sinh khoản tiền chậm thanh toán. Tình huống pháp lý tương tự tình huống pháp lý tại án lệ số 09/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

Theo Án lệ số 09/2016/AL về tiền lãi do chậm thanh toán được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì *“Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng thương mại tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm)”*.

Theo tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập mức lãi suất của 03 Ngân hàng thương mại tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử) như sau: Lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hoa

Lãi suất vay phục vụ sản xuất, Kinh doanh là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Lãi suất của Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Ninh Bình là 10,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay cùng loại. Mức lãi suất chậm trả trung bình của ba Ngân hàng thương mại của địa phương tại thời điểm xét xử là trên 10,4%/năm.

Công ty DG yêu cầu Công ty PH trả lãi của số tiền hàng còn chậm trả là $0,85\%/tháng = 10,2\%/năm$ là thấp hơn mức lãi suất trung bình chậm trả của ba ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi từ 01/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2019 là 40 tháng 9 ngày. Tiền lãi là 4.855.197.732 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án tính lãi từ 01/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2019 với số tiền là 3.626.326.789 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự cần chấp nhận số tiền lãi của số tiền chậm thanh toán 14.173.690.650 đồng, thời gian từ 01/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2019 là 3.626.326.789 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[9] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn phải không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

1. Sửa bản án sơ thẩm 04/2019/DS-ST Ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố NB.

Căn cứ các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL về tiền lãi do chậm thanh toán được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH DG đối với Công ty TNHH MTV gương kính PH.

1.1. Buộc Công ty TNHH MTV gương kính PH trả cho Công ty TNHH DG số tiền nợ tiền hàng là 14.173.690.650 đồng, tiền lãi chậm trả từ 01/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/8/2019) là 3.626.326.789 đồng. Tổng cộng Công ty TNHH MTV gương Kính PH trả cho Công ty TNHH DG số tiền là 17.800.017.439 đồng (*Mười bảy tỷ tám trăm triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm ba chín đồng*).

Kể từ ngày 10/8/2019 Công ty TNHH MTV gương kính PH còn phải trả lãi suất chậm thanh toán cho Công ty TNHH DG với mức lãi suất 0,85%/tháng cho khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV gương kính PH buộc Công ty TNHH DG phải hoàn trả số tiền là 15.112.372.387 đồng.

1.3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH MTV gương kính PH phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 125.800.017 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV gương kính PH phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là: 123.112.372 đồng.

Tổng số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH MTV gương kính PH phải nộp là 248.912.389 đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí công ty TNHH MTV gương kính PH đã nộp là 64.705.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0000622 ngày 18/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NB. Công ty TNHH MTV gương kính PH phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 184.207.389 đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu hai trăm linh năm nghìn ba trăm tám chín đồng*).

Công ty TNHH DG không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền số tạm ứng án phí cho Công ty TNHH DG là 61.900.000 đồng (*Sáu mươi một triệu chín trăm nghìn đồng*). Theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000185 ngày 17/8/2016 của chi cục thi hành án dân sự thành phố NB.

2. Những phần bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV gương kính PH không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí công ty TNHH MTV gương kính PH đã nộp là 2.000.0000 (hai triệu đồng). Theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0001246 ngày 21/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NB.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/12/2019).

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tử Lượng Phạm Thị Tuyết

Đinh Huy Lương